

Số: 53 /2016/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp,
quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIII, Kỳ họp thứ 3 ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 4500/STC-QLG ngày 19 tháng 12 năm 2016; Báo cáo số 329/BC-STP ngày 19 tháng 12 năm 2016 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

1. Mức thu phí:

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo Quyết định này)

2. Đối tượng nộp phí: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đăng ký, nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nhu cầu hoặc cần phải thẩm định theo quy định. Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ áp dụng đối với trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành thẩm định để giao đất, cho thuê đất và đối với trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

3. Đơn vị thu phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

a) Cấp tỉnh: Thực hiện thu phí đối với đối tượng là tổ chức (trong và ngoài nước); hộ gia đình cá nhân người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài, trong đó:

Sở Tài nguyên và Môi trường: Thu phí đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất.

Văn phòng Đăng ký đất đai: Thu phí đối với trường hợp cấp đổi, cấp lại và chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

b) Cấp huyện:

Phòng Tài nguyên và Môi trường: Thu phí đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất đối với đối tượng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trên địa bàn.

Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: Thu phí đối với trường hợp cấp đổi, cấp lại và chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với đối tượng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trên địa bàn huyện, thành phố, thị xã.

Đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí phải niêm yết công khai mức thu phí tại trụ sở cơ quan nơi thu phí.

4. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

a) Quản lý phí: Đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí có trách nhiệm:

Khi thu tiền phải lập và cấp biên lai thu cho đối tượng nộp theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính hướng dẫn về in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước.

Thực hiện đăng ký, kê khai, thu, nộp, quyết toán tiền phí thu được theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Sử dụng phí:

Đối với đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí đã được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí được trích để lại 20% trên tổng số phí thu được để trang trải chi phí cho công tác thu phí, phần còn lại 80% nộp vào ngân sách nhà nước.

Đối với đơn vị thu phí không được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoặc đảm bảo một phần kinh phí hoạt động được trích để lại 80% trên tổng số phí thu được để trang trải chi phí cho công tác thu phí, phần còn lại 20% nộp vào ngân sách nhà nước.

Số tiền phí được để lại, cơ quan thu phí sử dụng đúng mục đích, có chứng từ hợp pháp, mức chi cụ thể được thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành và thực hiện quyết toán hàng năm.

Hằng tháng, chậm nhất ngày 05 của tháng sau, đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí có trách nhiệm nộp số tiền phí thu được (sau khi trừ đi số phí được trích để lại theo quy định) vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước.

Các nội dung khác liên quan đến quản lý và sử dụng phí không được đề cập tại Quyết định này được thực hiện theo hướng dẫn tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP, Thông tư số 250/2016/TT-BTC, Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 2. Tổ chức, cá nhân vi phạm trong việc quản lý và sử dụng phí sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và thay thế các Quyết định: Số 27/2015/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2015 của UBND tỉnh quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Số 03/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh đính chính Phụ lục Quyết định số 27/2015/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2015 của UBND tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị: Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *nguyên*

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KT, TH, CNN.

Trìnhhq/QĐ.T12/35b

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH



Vũ Hồng Bắc

**MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN**

(Kèm theo Quyết định số 53/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

**1. Mức thu phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
đối với tổ chức:**

- Trường hợp giao đất, cho thuê đất:

STT	Quy mô diện tích	Mức thu cấp mới (cấp lần đầu) (đồng/hồ sơ)
1	Nhỏ hơn và bằng 5.000 m ²	1.000.000
2	Từ > 5.000 m ² đến 10.000 m ²	1.500.000
3	Từ > 1 ha đến 3 ha	3.000.000
4	Từ > 3 ha đến 5 ha	4.000.000
5	Từ > 5 ha đến 10 ha	5.000.000
6	Từ > 10 ha đến 20 ha	6.000.000
7	Từ > 20 ha trở lên	7.500.000

Đối với trường hợp cấp đổi, cấp lại: Mức thu bằng 50% so với mức thu cấp mới
(cấp lần đầu).

- Trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản
khác gắn liền với đất:

Loại hồ sơ	Mức thu (đồng/hồ sơ)
Hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	300.000

2. Mức thu phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình cá nhân:

STT	Quy mô diện tích	Mức thu cấp mới (cấp lần đầu)	
		Trường hợp giao đất, cho thuê đất sản xuất kinh doanh đồng/hồ sơ	Trường hợp giao đất ở (đồng/hồ sơ)
I	Đối với hộ gia đình cá nhân tại các phường thuộc thành phố, thị xã và thị trấn trung tâm huyện		
1	Nhỏ hơn và bằng 200 m ²	250.000	200.000
2	Từ > 200 m ² đến 400 m ²	300.000	250.000
3	Từ > 400 m ² đến 1.000 m ²	450.000	350.000
4	Từ > 1.000 m ² đến 3.000 m ²	600.000	500.000
5	Từ > 3.000 m ² đến 5.000 m ²	750.000	650.000
6	Từ > 5.000 m ² đến 7.000 m ²	900.000	800.000
7	Từ > 7.000 m ² đến 10.000 m ²	1.200.000	1.000.000
8	Từ > 10.000 m ² (1ha)	1.500.000	1.200.000
II	Đối với hộ gia đình cá nhân tại các khu vực khác		
1	Nhỏ hơn và bằng 200 m ²	160.000	120.000
2	Từ > 200 m ² đến 400 m ²	200.000	150.000
3	Từ > 400 m ² đến 1.000 m ²	280.000	200.000
4	Từ > 1.000 m ² đến 3.000 m ²	380.000	300.000
5	Từ > 3.000 m ² đến 5.000 m ²	480.000	400.000
6	Từ > 5.000 m ² đến 7.000 m ²	580.000	500.000
7	Từ > 7.000 m ² đến 10.000 m ²	700.000	600.000
8	Từ > 10.000 m ² (1ha)	800.000	700.000

Đối với trường hợp cấp đổi, cấp lại: Mức thu bằng 50% so với mức thu cấp mới (cấp lần đầu).

- Mức thu đối với trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

Loại hồ sơ	Mức thu (đồng/hồ sơ)	
	Tại các phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc trung tâm huyện	Tại các khu vực khác
Hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	150.000	75.000